

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI HIỆN NAY

PHẠM THỊ QUỲNH ANH
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 10/9/2025. Sửa chữa xong 5/10/2025. Duyệt đăng 10/10/2025.

Abstract

In recent years, human trafficking has become increasingly complex, particularly the trafficking of women and children, which remains a pressing social issue. Human trafficking is not only a serious violation of the law but also a grave social problem that causes severe consequences for victims and communities. The 2015 Penal Code (amended in 2017) and the revised Law on Prevention and Combat of Human Trafficking have established specific provisions to address this crime. Human trafficking infringes upon human rights, gravely affects victims' health, psychological well-being, and lives, and negatively impacts morality, family values, and social order. This article proposes several solutions to enhance the effectiveness of combating and preventing human trafficking crimes in Vietnam today.

Keywords: Crime, human trafficking, law enforcement, prevention, solutions.

1. Đặt vấn đề

Tội phạm mua bán người (TPMBN) là tội phạm nguy hiểm, đã được đưa vào “Chương trình phòng, chống tội phạm trên quy mô toàn cầu” của Liên hợp quốc từ năm 2013. Trong những năm gần đây, TPMBN trên thế giới và khu vực diễn biến ngày càng phức tạp. Các tổ chức tội phạm không chỉ nhắm tới phụ nữ, trẻ em mà còn mở rộng sang cả nam giới, với thủ đoạn ngày càng tinh vi, có tổ chức và hoạt động xuyên quốc gia, triệt để lợi dụng công nghệ cao để phạm tội. Bên cạnh các mục đích phạm tội truyền thống như khai thác tình dục, buôn bán nội tạng, hôn nhân cưỡng bức, lao động cưỡng bức trong các cơ sở bất hợp pháp, đến nay, mua bán người (MBN) còn nhằm mục đích cưỡng bức, lừa đảo trực tuyến và có xu hướng lan rộng trên phạm vi toàn cầu. Đây là vấn đề mà nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam phải đối mặt trong công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này, đặt ra yêu cầu cao về sự phối hợp chặt chẽ với các đối tác quốc tế, các tổ chức đa phương và cơ chế chia sẻ thông tin toàn cầu. Theo thống kê của Bộ Công an, năm 2024 cả nước đã điều tra, xử lý 163 vụ/455 đối tượng/55 nạn nhân liên quan đến MBN. Trong 6 tháng đầu năm 2025, các lực lượng chức năng đã chuyển truy tố 50 vụ/178 bị can; đã giải quyết, xét xử 72 vụ, 237 bị cáo. Tội phạm về MBN phải giải quyết chủ yếu gồm: Tội MBN (chiếm 46,24%); tội MBN dưới 16 tuổi (chiếm 43%); tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (chiếm 6,45%) [1, tr. 2]. Có nhiều bị cáo đã bị tuyên phạt với mức án nghiêm khắc, thể hiện sự nghiêm minh và tính răn đe của pháp luật, được dư luận xã hội đồng tình, ủng hộ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng tội phạm mua bán người ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm gần đây, TPMBN ở Việt Nam đã và đang diễn ra với diễn biến ngày càng phức tạp và khó lường. Báo cáo từ Bộ Công an cho thấy, mặc dù công tác phòng, chống loại tội phạm này đã được tăng cường nhưng những hình thức hoạt động của tội phạm lại ngày càng tinh vi và đa dạng hơn. Đặc biệt, các đối tượng phạm tội không chỉ thực hiện các hành vi MBN qua biên giới mà còn mở rộng phạm vi hoạt động trong nước, sử dụng các thủ đoạn lợi dụng lòng tin, sự thiếu hiểu biết hoặc tình trạng khẩn cấp của nạn nhân để lừa gạt, ép buộc họ rơi vào tình trạng bị khai thác, bóc lột.

Email: phamthiquynhanht02@gmail.com

Tình trạng TPMBN ở Việt Nam hiện nay đang diễn biến phức tạp và gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ số phát triển mạnh mẽ. Theo các báo cáo gần đây, Việt Nam là một trong những quốc gia có nhiều vụ MBN, cả trong nước lẫn xuyên biên giới. Nạn nhân không chỉ bao gồm phụ nữ và trẻ em mà còn có cả nam giới, những người bị bóc lột lao động, cưỡng bức làm việc trong các sòng bạc, công ty kinh doanh trực tuyến hoặc bị bán sang các tổ chức buôn bán nội tạng. Thủ đoạn mà các đối tượng tội phạm thường sử dụng ngày càng tinh vi hơn, đặc biệt là lợi dụng mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến để dụ dỗ, lừa gạt nạn nhân bằng cách hứa hẹn việc làm có thu nhập cao hoặc tổ chức kết hôn giả. Tại các khu vực biên giới phía Bắc, việc đưa phụ nữ sang Trung Quốc kết hôn trái phép hoặc bị ép buộc tham gia các hoạt động mại dâm vẫn diễn ra thường xuyên. Chính phủ Việt Nam đã tích cực triển khai các biện pháp đối phó với tình trạng này, bao gồm việc tăng cường hợp tác quốc tế, siết chặt quản lý các dịch vụ môi giới hôn nhân và xuất khẩu lao động, đồng thời cải thiện công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng. Tuy nhiên, quy trình xác định nạn nhân vẫn còn gặp khó khăn cần sự hợp tác từ nhiều cơ quan và bộ ngành trước khi có thể cung cấp hỗ trợ cho các nạn nhân [2, tr. 56].

Nạn nhân của các vụ MBN tại Việt Nam chủ yếu là phụ nữ và trẻ em - những người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội, do thiếu kiến thức về quyền con người cũng như những nguy cơ tiềm ẩn liên quan đến loại tội phạm này. Phụ nữ và trẻ em, nhất là những người sinh sống tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, thường xuyên là mục tiêu bị tấn công bởi các nhóm tội phạm có tổ chức. Những đối tượng này thường sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, mạng xã hội và các dịch vụ trực tuyến để lừa đảo, dụ dỗ nạn nhân với những lời hứa hẹn về việc làm, cuộc sống tốt đẹp hơn ở nước ngoài. Khi rơi vào tay các đối tượng này, nạn nhân thường bị đưa ra nước ngoài để khai thác lao động hoặc tình dục, hoặc bị bán cho các tổ chức tội phạm khác.

Thực trạng TPMBN trong nước xảy ra phổ biến, phức tạp xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, cụ thể là: Sự phát triển không đồng đều về kinh tế - xã hội giữa các vùng trung tâm đô thị, thành phố với khu vực nông thôn, miền núi làm phát sinh nhiều vụ án MBN trong nước. Bởi lẽ, tại những vùng nông thôn, miền núi, việc làm cho người dân còn thiếu, không tạo ra thu nhập ổn định; trình độ học vấn, dân trí còn thấp, kinh tế gia đình khó khăn, nên thường dễ bị đối tượng MBN trong nước lừa gạt giới thiệu, tìm kiếm việc nhẹ lương cao ở thành thị và dẫn đến trở thành nạn nhân. Tác động từ mặt trái của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, phân hóa giàu nghèo, chênh lệch phát triển giữa thành thị và nông thôn, nhất là với vùng sâu, vùng xa; tình trạng thiếu việc làm và tác động của phong tục, tập quán cũng khiến một bộ phận người dân bị đối tượng MBN dụ dỗ, lừa gạt. Sự xuất hiện và bùng nổ mạng xã hội trở thành công cụ hữu hiệu để các đối tượng MBN trong nước thực hiện việc tìm kiếm, tuyển mộ nạn nhân dễ dàng, nhanh chóng. Thông qua phương thức trực tuyến, đối tượng phạm tội có thể tiếp cận, khai thác thông tin của nạn nhân thông qua mạng xã hội, các web đen và nền tảng nhắn tin, hẹn hò. Mạng xã hội bị sử dụng như một công cụ dụ dỗ, thực hiện các hành vi xâm hại, đe dọa các nạn nhân là những người thiếu hiểu biết. Thông qua những mạng xã hội phổ biến như Facebook, Instagram, Tiktok, Zalo..., TPMBN tiếp cận nhóm phụ nữ, trẻ em gái hoặc những người mà chúng tin rằng có thể dễ dàng dụ dỗ. Khi đã xác định được mục tiêu, chúng bắt đầu kết nối với nạn nhân bằng cách gửi lời mời kết bạn, bình luận hoặc bày tỏ cảm xúc ở bài đăng của nạn nhân [3, tr. 32]. Do vậy, việc phòng ngừa và đấu tranh chống TPMBN càng trở nên khó khăn và phức tạp, khi người phạm tội đang dẫn thành thạo công nghệ, sử dụng mạng xã hội nhuần nhuyễn. Trình độ nhận thức của nạn nhân còn hạn chế, thiếu thông tin và kỹ năng sống, điều kiện kinh tế khó khăn, thất nghiệp, thậm chí có tâm lý hám lợi là những nguyên nhân dẫn đến TPMBN trong nước gia tăng; một số nạn nhân thiếu sự quan tâm, giáo dục từ gia đình, lối sống hưởng thụ là những yếu tố thuận lợi để đối tượng MBN trong nước lợi dụng tiếp cận và lừa gạt. Một yếu tố quan trọng góp phần vào sự gia tăng của TPMBN là sự thiếu hụt về thông tin, giáo dục và nhận thức của người dân về quyền con người và pháp luật. Nhiều nạn nhân không hiểu rõ về quyền của mình, không nhận thức được nguy cơ từ các hành vi phạm pháp này, do đó dễ dàng trở thành mục tiêu bị lợi dụng. Đồng thời, hệ thống pháp lý và cơ chế bảo vệ quyền lợi của nạn nhân vẫn còn tồn tại những bất cập nhất định, làm giảm hiệu quả trong việc ngăn chặn và giải quyết vấn đề một cách triệt để.

2.2. Giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tội phạm MBN, trong đó tập trung khắc phục những vấn đề sau: Thay đổi tên Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) thành “MBN dưới 18 tuổi” để bảo vệ diện nạn nhân rộng hơn và phù hợp với pháp luật quốc tế; nghiên cứu bổ sung chế định về hành vi mua bán bào thai; sửa đổi các điều 150, 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 theo hướng độc lập về các hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao, tiếp nhận trong cấu thành mặt khách quan của TPMBN, MBN dưới 16 tuổi; bổ sung chế định về không trừng phạt đối với hành vi phạm tội của nạn nhân là hệ quả trực tiếp của tội phạm MBN; xây dựng hướng dẫn cụ thể đối với các trường hợp phạm tội chưa đạt để phân biệt với giai đoạn chuẩn bị của TPMBN; bổ sung quy định về mục đích nhân đạo trong cấu thành TPMBN và MBN dưới 16 tuổi; chủ động xây dựng thêm các án lệ để làm cơ sở cho việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án MBN, MBN dưới 16 tuổi [4, tr. 26].

2.2.2. Xây dựng và triển khai các biện pháp kinh tế - xã hội nhằm hạn chế nguồn gốc phát sinh của tội phạm MBN, đặc biệt là yếu tố xuất phát từ điều kiện sống của nạn nhân và người phạm tội; đảm bảo nguồn lực kinh tế, phúc lợi và an sinh xã hội của người dân, hạn chế những yếu tố tiêu cực, nguyên nhân dẫn đến tội phạm nói chung và MBN nói riêng, cụ thể như: Giải quyết, tạo điều kiện về việc làm cho người lao động, giúp họ cải thiện cuộc sống; chính quyền các địa phương cần quan tâm đến số lượng hộ nghèo thực tế trên địa bàn, nắm rõ nguyên nhân để có chính sách hỗ trợ phù hợp cho từng hộ nghèo như đào tạo nghề, dạy nghề...; hỗ trợ vốn kinh doanh để giảm bớt khó khăn về kinh tế, nâng cao mức sống của người dân, đặc biệt là ở khu vực miền núi, nông thôn.

2.2.3. Tăng cường quản lý về nhân khẩu, thường trú, tạm trú, tạm vắng trên địa bàn, chủ động phát hiện dấu hiệu nghi vấn liên quan đến các hiện tượng thu gom trẻ sơ sinh; chăm sóc, nuôi dưỡng người bán thân trong khu dân cư...; thanh tra, kiểm tra chặt chẽ các cơ sở kinh doanh dịch vụ môi giới hôn nhân, cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài, các cơ sở đưa người Việt Nam đi lao động, học tập ở nước ngoài, trung tâm môi giới việc làm...; tăng cường kiểm tra, kiểm soát tại các khu vực cửa khẩu, khu vực giáp biên giới nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn hành vi MBN; tích cực kiểm tra, quản lý các dịch vụ kinh doanh nhạy cảm có điều kiện về an ninh, trật tự như quán karaoke, mát-xa, vũ trường, sàn nhảy...; để chủ động phát hiện dấu hiệu của TPMBN trong nước.

2.2.4. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về phòng, chống TPMBN trong nước. Cụ thể: Các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương cần đổi mới, áp dụng linh hoạt phương pháp và hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để phù hợp với từng địa phương, từng đối tượng thụ hưởng; tập trung đẩy mạnh tuyên truyền các phương thức, thủ đoạn, nguyên nhân phát sinh tội phạm mới; chỉ ra các dấu hiệu, nguy cơ trở thành nạn nhân và cách phòng tránh; sử dụng mạng xã hội làm phương tiện truyền thông phòng, chống tội phạm; phối hợp với người dẫn dắt dư luận (KOLs) tích cực, phù hợp với chủ đề phòng, chống MBN trong nước để tạo hiệu ứng mạnh cho công tác tuyên truyền. Bên cạnh đó, phát động phong trào toàn dân đấu tranh, tham gia phòng, chống TPMBN trong nước; đổi mới công tác tuyên truyền theo hướng các cơ quan thông tấn báo chí tăng cường xây dựng mới chuyên trang, chuyên mục, tin bài bằng cả tiếng phổ thông và tiếng dân tộc ít người; truyền thông trực tiếp tại các địa phương có nguy cơ là địa bàn hoạt động của người phạm tội để truyền tải các thông tin cụ thể, dễ hiểu, giúp người dân nâng cao nhận thức, chủ động phòng ngừa tội phạm. Các cá nhân cần nêu cao tinh thần cảnh giác, tự bảo vệ bản thân và người thân khỏi nguy cơ trở thành nạn nhân; trang bị kiến thức pháp luật, hiểu biết xã hội; để cao cảnh giác với những thủ đoạn của các đối tượng phạm tội như đưa đi làm ăn xa và hứa hẹn có công việc nhẹ lương cao hoặc môi giới lấy chồng nước ngoài...; khi phát hiện hành vi phạm tội hoặc các đối tượng nghi vấn có hành vi MBN trong nước, cần kịp thời báo tin cho các cơ quan chức năng [5, tr. 17].

2.2.5. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống TPMBN. Xây dựng mạng lưới bảo vệ nạn nhân vững mạnh trên toàn cầu. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, TPMBN không còn là vấn đề nội bộ của một quốc gia mà đã trở thành một thách thức xuyên biên giới, đòi hỏi sự hợp tác quốc tế chặt chẽ và toàn diện. Các đường dây MBN ngày càng tinh vi, phức tạp, và hoạt động trên quy mô quốc tế, khiến

cho việc ngăn chặn và xử lý loại tội phạm này không thể chỉ dựa vào nỗ lực đơn lẻ của bất kỳ quốc gia nào. Vì vậy, việc thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế trong phòng, chống MBN, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và phối hợp hành động giữa các quốc gia là một yêu cầu cấp thiết, góp phần xây dựng một mạng lưới bảo vệ nạn nhân vững mạnh và hiệu quả hơn [6, tr. 45]. Trước hết, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này không chỉ nhằm trao đổi thông tin về các đối tượng và tổ chức tội phạm mà còn giúp các quốc gia thống nhất các chiến lược, phương pháp đấu tranh, đồng thời tăng cường năng lực cho các lực lượng chức năng trong việc phát hiện, điều tra và xử lý các vụ án liên quan đến MBN. Một trong những thách thức lớn nhất mà nhiều quốc gia đang phải đối mặt là khả năng theo dõi, phát hiện và phá vỡ các đường dây tội phạm xuyên biên giới. TPMBN thường lợi dụng các lỗ hổng về pháp lý, sự khác biệt về quy định pháp luật giữa các quốc gia hoặc tình trạng không đồng bộ trong các biện pháp thực thi để thực hiện hành vi phạm tội. Vì thế, việc thiết lập các cơ chế chia sẻ thông tin, tài liệu và hỗ trợ kỹ thuật giữa các quốc gia là yếu tố quan trọng giúp nâng cao khả năng phát hiện và truy tố các đối tượng vi phạm. Bên cạnh việc hợp tác pháp lý, các quốc gia cần đẩy mạnh chia sẻ kinh nghiệm và kỹ năng trong công tác điều tra, xử lý TPMBN. Mỗi quốc gia có những điều kiện khác nhau về hạ tầng pháp lý, nhân sự và kỹ thuật, do đó việc học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ cũng như bảo vệ nạn nhân là rất cần thiết. Những quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển và giàu kinh nghiệm trong việc phòng, chống TPMBN có thể chia sẻ với các quốc gia khác về các chiến lược hiệu quả trong việc phá vỡ các đường dây tội phạm, hỗ trợ nạn nhân và tăng cường các biện pháp phòng ngừa. Các hội nghị quốc tế, diễn đàn chuyên đề về phòng, chống MBN là những nơi thích hợp để các quốc gia, tổ chức quốc tế và các bên liên quan gặp gỡ, thảo luận và chia sẻ những kinh nghiệm quý báu này. Một khía cạnh quan trọng khác trong hợp tác quốc tế là việc xây dựng và củng cố mạng lưới bảo vệ nạn nhân trên phạm vi toàn cầu. TPMBN không chỉ dừng lại ở việc xâm hại thân thể và tinh thần nạn nhân mà còn gây ra những hậu quả nghiêm trọng về mặt xã hội, làm mất đi quyền cơ bản của con người. Do đó, các quốc gia cần thiết lập một hệ thống hỗ trợ toàn diện cho nạn nhân, bao gồm việc cung cấp dịch vụ y tế, tâm lý, hỗ trợ pháp lý và các biện pháp tái hòa nhập xã hội. Điều này đòi hỏi sự hợp tác liên ngành giữa các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và các cơ quan chức năng của các quốc gia liên quan. Việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ không chỉ giúp nạn nhân hồi phục về mặt thể chất và tinh thần mà còn giúp họ tái hòa nhập xã hội, giảm thiểu nguy cơ tái trở thành nạn nhân của TPMBN.

2.2.6. Rà soát và hoàn thiện các quy định pháp luật trong phòng chống TPMBN. Đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển công nghệ số. Trước tiên, việc rà soát hệ thống pháp luật liên quan đến TPMBN là cần thiết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn xã hội. Một trong những thách thức hiện nay là sự phát triển mạnh mẽ của các hình thức MBN qua mạng Internet và mạng xã hội. Các đối tượng tội phạm sử dụng các phương tiện công nghệ số để thực hiện hành vi lừa đảo, dụ dỗ nạn nhân, tổ chức mua bán và che giấu hành vi phạm tội. Việc này đòi hỏi hệ thống pháp luật phải không ngừng cập nhật và điều chỉnh để phản ánh đúng thực tiễn, xử lý kịp thời và hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật trong môi trường số. Bộ luật Hình sự hiện hành của Việt Nam đã có những quy định cụ thể về TPMBN, trong đó, Điều 150 và 151 đã quy định rõ về tội MBN và mua bán trẻ em, với những hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe và trừng trị các hành vi vi phạm. Tuy nhiên, với sự phát triển của TPMBN thông qua các công nghệ số, pháp luật cần tiếp tục được hoàn thiện, bổ sung những quy định cụ thể về việc xử lý các hành vi phạm tội sử dụng mạng xã hội và các nền tảng công nghệ. Các hành vi này cần được quy định rõ ràng, tránh sự bỏ sót hoặc không nhất quán trong quá trình áp dụng pháp luật. Việc điều chỉnh pháp luật không chỉ tập trung vào khía cạnh hình sự mà còn phải mở rộng sang các quy định liên quan đến quản lý công nghệ, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư. Các quy định về quản lý không gian mạng, bảo vệ an toàn thông tin trên mạng xã hội và nền tảng trực tuyến phải được rà soát và cập nhật liên tục nhằm đảm bảo rằng các đối tượng tội phạm không thể lợi dụng khoảng trống pháp lý để thực hiện các hành vi MBN. Đồng thời, cần có các cơ chế giám sát và quản lý chặt chẽ hoạt động của các dịch vụ môi giới kết hôn, xuất khẩu lao động và di cư, những lĩnh vực mà TPMBN thường lợi dụng để thực hiện các hành vi bất hợp pháp [7, tr. 29].

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của các quy định pháp luật đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các quốc gia, tổ chức quốc tế và các bên liên quan. Nhiều vụ MBN xảy ra dưới hình thức xuyên quốc gia, nạn nhân bị mua bán từ quốc gia này sang quốc gia khác, do đó việc hợp tác quốc tế là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống TPMBN. Việt Nam, với tư cách là thành viên của các công ước quốc tế như Nghị định thư Palermo về phòng chống và trừng phạt TPMBN, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy định pháp luật trong nước để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và đảm bảo việc thực thi các cam kết quốc tế một cách hiệu quả.

2.2.7. Nâng cao nhận thức và năng lực của các cơ quan chức năng trong việc thực thi pháp luật về phòng, chống TPMBN. Hệ thống pháp luật, dù hoàn thiện đến đâu cũng chỉ có thể đạt được hiệu quả nếu được thực thi đúng đắn và kịp thời. Do đó, việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ cho các lực lượng công an, kiểm sát, tòa án và các cơ quan thực thi pháp luật khác là vô cùng cần thiết. Đặc biệt, trong bối cảnh công nghệ số phát triển, các cơ quan chức năng cần được trang bị các công cụ, kỹ năng và kiến thức chuyên sâu về công nghệ để có thể phát hiện, điều tra và xử lý các vụ án liên quan đến TPMBN trên mạng. Cùng với đó, để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong việc xử lý TPMBN cần có sự tham gia tích cực của toàn xã hội. Các quy định pháp luật, dù được thiết lập hoàn chỉnh đến đâu, cũng cần sự ủng hộ và thực thi từ phía người dân, các tổ chức xã hội và cộng đồng. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quyền con người, về TPMBN và các biện pháp phòng ngừa cần được đẩy mạnh hơn nữa, đặc biệt là đối với các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em và người dân ở các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

3. Kết luận

Tội phạm mua bán người đang có chiều hướng phức tạp, đặc biệt là nạn mua bán phụ nữ và trẻ em đang là một hiện tượng nhức nhối ở nước ta hiện nay. Vấn nạn này không chỉ xâm hại đến quyền con người, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần, tính mạng của nạn nhân mà còn tác động xấu đến đạo đức, giống nòi, lối sống, thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự của đất nước. Theo đánh giá của các lực lượng chức năng, tình hình hoạt động của TPMBN ở khu vực biên giới, cửa khẩu, biển, đảo diễn biến phức tạp, phương thức, thủ đoạn hoạt động tinh vi. Phần lớn các đối tượng cư trú trong nội địa câu kết với các đối tượng ở khu vực biên giới, đối tượng là người Việt Nam cư trú ở nước ngoài và người nước ngoài hình thành các đường dây khép kín dụ dỗ, lừa gạt, mua bán nạn nhân nhằm bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, kết hôn và cho, nhận con nuôi trái pháp luật... Thủ đoạn của các đối tượng đa số thông qua các tài khoản mạng xã hội, chủ yếu sử dụng các tài khoản "ảo", tạo các hội, nhóm với chiêu trò "lao động việc nhẹ, lương cao"... để mời giới, lừa gạt nạn nhân ra nước ngoài lao động; sau đó bán cho đối tượng người nước ngoài trong các casino, đặc khu kinh tế tại Campuchia, Lào và Myanmar... nhằm cưỡng bức lao động hoặc ép nạn nhân thực hiện các hành vi lừa đảo trực tuyến. Thời gian qua, công tác đấu tranh phòng, chống TPMBN của các lực lượng chức năng được triển khai đồng bộ, quyết liệt và đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, tình trạng MBN vẫn diễn ra với nhiều phương thức mới và thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, các tổ chức MBN có sự cấu kết chặt chẽ giữa người mua và người bán, hình thành các đường dây tội phạm liên tỉnh và xuyên quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[1] Trúc Hà (2025). *Thách thức mới trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người*. Nguồn: <https://www.bienphong.com.vn/thach-thuc-moi-trong-cong-tac-dau-tranh-phong-chong-toi-pham-mua-ban-nguoi-post492953.html>, ngày 03/8/2025.

[2] Quốc hội (2017). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13*. Luật số 12/2017/QH14, ngày 20/6/2017. Điều 150, 151 quy định về tội mua bán người và mua bán trẻ em.

[3] Cẩm nang của Interpol về phòng chống mua bán người, Interpol (2020). *Các biện pháp điều tra, giám sát và phát hiện tội phạm mua bán người xuyên quốc gia*.

[4] Nguyễn Công Hồng (2010). *Tổng quan về hệ thống pháp luật liên quan đến phòng, chống buôn bán người và một số kiến nghị hoàn thiện*. Tạp chí Pháp luật và Phát triển, số 5, tr. 161-162.

[5] Nghị định thư về phòng, chống và trừng phạt tội phạm mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Palermo Protocol), Liên hợp quốc (2000). *Công cụ pháp lý quốc tế quan trọng về phòng chống tội phạm mua bán người*.

[6] Quốc hội (2018). *Luật An ninh mạng*, Luật số 24/2018/QH14, ngày 12/6/2018.

[7] Quốc hội (2011). *Luật Phòng, chống mua bán người*. Luật số 66/2011/QH12, ngày 29/03/2011.